

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2023/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy và người cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Các nội dung, mức hỗ trợ khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cư trú theo quy định của Luật Cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chi thù lao đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được chi thù lao bằng 0,5 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 4. Nội dung, mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc được hưởng định mức tiền ăn bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

2. Ngày lễ, Tết Dương lịch người cai nghiện ma túy bắt buộc **được hỗ trợ mức ăn tăng thêm** bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán **được hỗ trợ mức ăn tăng thêm** bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường. Chế độ ăn đối với người cai nghiện ma túy bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

3. Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc là nữ) bằng 0,9 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.

4. Hỗ trợ quần áo cho người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trở về địa phương cư trú.

Cơ sở cai nghiện ma túy cấp 01 (một) bộ quần áo mùa hè hoặc 01 (một) bộ quần áo mùa đông nếu người cai nghiện không có.

a) Mức tối đa mua sắm quần áo mùa hè: 250.000 đồng/bộ/người.

b) Mức tối đa mua sắm quần áo mùa đông: 400.000 đồng/bộ/người.

5. Chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: 150.000 đồng/người/năm.

Điều 5. Nội dung, mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập là thương binh; bệnh binh; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con liệt sĩ; con thương binh; con bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; người thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ cận nghèo; người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; trẻ em mồ côi; người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng; người chưa thành niên; người bị nhiễm HIV đang dùng ARV được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường.

b) Hỗ trợ tiền ăn hằng tháng, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện là nữ) bằng 100% định mức đối với người cai nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

c) Hỗ trợ mức ăn tăng thêm các ngày lễ, Tết Dương lịch, chế độ ăn đối với người cai nghiện ma túy bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán được hỗ trợ mức ăn tăng thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

d) Hỗ trợ chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: 150.000 đồng/người/năm.

đ) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

e) Hỗ trợ 100% chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện là nữ) bằng 80% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ mức ăn tăng thêm các ngày lễ, Tết Dương lịch, chế độ ăn đối với người cai nghiện ma túy bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết Nguyên đán được hỗ trợ mức ăn tăng thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường.

c) Hỗ trợ chi tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: 75.000 đồng/người/năm.

d) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: 50.000 đồng/người/tháng.

đ) Hỗ trợ 100% chỗ ở cho người nghiện ma túy tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

3. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng được hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Mức hỗ trợ bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện hỗ trợ được đảm bảo từ Ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của tỉnh Thái Nguyên.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2023./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn